

SỞ Y TẾ GIA LAI
TTYT HOÀI NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-TTHN

Tam Quan, ngày tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO
Danh mục thuốc chia liều năm 2026-2027

Căn cứ Quyết định 20/QĐ-TTYT ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc ban hành Danh mục thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền và vị thuốc cổ truyền sử dụng tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026-2027.

Qua rà soát Danh mục thuốc năm 2026 - 2027, Trung tâm Y tế (Khoa Dược – VT, TBYT) thông báo đến các Khoa, Phòng Danh mục các thuốc chia liều (*có phụ lục chi tiết kèm theo*), biết, theo dõi khi sử dụng điều trị và hướng dẫn bảo quản đúng quy định.

Nhận được thông báo này, đề nghị các Khoa, Phòng thực hiện việc sử dụng, bảo quản thuốc theo đúng quy định.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các Khoa, Phòng thuộc TTYT;
- Lãnh đạo TTYT;
- Đăng tải trang TTĐT của TTYT Hoài Nhơn;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Vinh

DANH MỤC THUỐC CHIA LIỀU NĂM 2026 -2027

(Kèm theo Thông báo số /TB-TTHN ngày tháng 05 năm 2026 của TTYT Hoài Nhơn)

TT	Tên hoạt chất	Tên Thuốc	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng, dạng dùng	Quy cách	ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN
1. THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ, THUỐC GIÃN CƠ, GIẢI GIÃN CƠ						
1.1. Thuốc gây tê, gây mê						
1	Lidocain	LIDOCAIN	10% 38g	Phun mù	Hộp 1 lọ 38g	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C .
2	Sevoflurane	Seaoflura	100%/250ml	Dạng hít	Hộp 1 chai x 250ml	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C . Không để đông lạnh
2. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN						
2.1. Thuốc nhóm aminoglycosid						
3	Tobramycin	Eyetobrin 0,3%	3mg/ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 28 ngày kể từ lúc mở nắp
4	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Mepoly	(10mg; 35mg; 100.000IU)/10ml	Nhỏ tai	Hộp 1 lọ x 10ml	Bảo quản nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C , tránh ánh sáng. Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp.
5	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Maxitrol	(1mg + 3500IU + 6000IU)/ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ đếm giọt 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 28 ngày kể từ lúc mở nắp
6	Tobramycin + Dexamethason	Tobradex	(3mg + 1mg)/1ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 28 ngày kể từ lúc mở nắp
2.2. Thuốc nhóm macrolid						

7	Erythromycin + Tretinoin	ERYLIK 4% + 0,025%	4% + 0,025%	Bôi ngoài da	Hộp 1 ống nhôm 30g	Bảo quản ở nhiệt độ không quá 25°C . hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất
2.3 Thuốc nhóm quinolon						
8	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin 0,3%	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Hộp 20 lọ 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở nắp
9	Levofloxacin	Eyezacin	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở nắp
10	Moxifloxacin	Moxieye	50mg/10ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 10ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
11	Ofloxacin	Ofloxacin-POS 3mg/ml	3mg/ml, 5ml	Nhỏ mắt	Hộp gồm 1 lọ chứa 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
2.4. Thuốc chống vi rút khác						
12	Aciclovir	Acyclovir 3%	30mg/g, 5g (3%/5g)	Tra mắt	Hộp 1 tuýp 5 g	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở nắp
13	Aciclovir	Acyclovir 5%	250mg	Bôi	Hộp 1 tube 5g	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở nắp
2.5. Thuốc chống nấm						
14	Ketoconazol	Kezolgen 2%	2%/5g	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 5g	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở nắp
3. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH DA LIỄU						
15	Fusidic acid + betamethason	Pesancort	(2%; 0,1%)/10g	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 10g	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
4. THUỐC TẨY TRÙNG VÀ SÁT KHUẨN						

16	Povidone Iodine	Povidon iod 10%	10%/125ml	Dùng ngoài	Hộp 1 chai 125ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 60 ngày kể từ lúc mở nắp
17	Povidone Iodine	POVIDONE	10%/30ml	Dùng ngoài	Hộp 1 chai 30ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 60 ngày kể từ lúc mở nắp
5. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA						
5.1. Thuốc điều trị tiêu chảy						
18	Kẽm gluconat	Zinbebe	100mg/50ml	Uống	Hộp 1 lọ x 50ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C
5.2. Thuốc khác						
19	Simethicon	Espumisan L	40mg/ml	Uống	Hộp 1 lọ 30ml có nắp nhỏ giọt	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 6 tháng kể từ lúc mở nắp
6. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT						
6.1. Hocmon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế						
20	Betamethason	Quanderma-B	0,064%, 20g	Bôi	Hộp 1 tuýp x 20g	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C
21	Hydrocortison	Forsancort	1%/10g	Dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 10g	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
22	Prednisolon acetat (natri phosphate)	Adelone	1%/5ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 28 ngày kể từ lúc mở nắp
6.2. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết						
23	Insulin người trộn, hỗn hợp	Wosulin 30/70	100IU/ml x 3ml (30/70)	Tiêm	Hộp 1 ống x 3ml	Bảo quản thuốc ở nhiệt độ 2 – 8°C . Không làm đông lạnh thuốc, tránh ánh sáng. Sử dụng trong vòng 28 ngày sau khi mở nắp và bảo quản ở nhiệt độ 15- 25°C

7. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH MẮT, TAI MŨI HỌNG						
24	Brinzolamid + timolol	Azarga	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 28 ngày kể từ lúc mở nắp
25	Hydroxypropylmethylcellulose	Syseye	0,3% (w/v) - Lọ 15ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 15ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
26	Indomethacin	Indocollyre	0,1%	Nhỏ mắt	Hộp/ 1 lọ 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
27	Moxifloxacin + dexamethason	Taxedac Eye Drops	(25mg; 5mg)/5ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
28	Natri clorid	Ninosat	0,45g/50ml	Xịt mũi	Hộp 1 lọ 50ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
29	Natri hyaluronat	Afenemi	0,9mg/0,5ml	Nhỏ mắt	Hộp 20 ống 0,5 ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 2 ngày kể từ lúc mở nắp
30	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	0,9%/10ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Hộp 50 lọ 10ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 15 ngày kể từ lúc mở nắp
31	Natri hyaluronat	Hylaform 0,1%	5 mg/5ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 ống x 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
32	Timolol	Lithimole	0,5%/5ml	Nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
8. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP						
8.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính						
33	Budesonid	Benita	64mcg/liều xịt x 120 liều	Xịt mũi	Hộp 1 lọ 120 liều	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 3 tháng kể từ lúc mở nắp

34	Budesonid + formoterol	Fortraget Inhaler 200mcg + 6mcg	(200mcg + 6mcg)/liều x 120 liều	Dạng hít	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°
35	Salbutamol sulfat	Buto-Asma	100mcg/liều		Hộp 1 bình xịt chứa 200 liều (10ml) + đầu xịt định liều	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30° , tránh ánh sáng trực tiếp và không làm lạnh
8.2. Thuốc chữa ho						
36	Ambroxol hydrochlorid	Olesom	30mg/5ml	Uống	Hộp 1 chai 100ml	Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C , Sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ lúc mở nắp
Tổng cộng: 36 khoản						